

Số: 166a/BC-THGX

Giao Phúc, ngày 29 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Đầu năm học 2025-2026

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Giao Xuân.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: xóm Thị Tứ - xã Giao Phúc – tỉnh Ninh Bình.

Website: <https://thgiaoxuan.ninhbinh.edu.vn/> – Điện thoại: 0979743069

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Giao Phúc

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Tầm nhìn

Trở thành một ngôi trường có chất lượng cao là một trong những trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công.

4.2. Sứ mệnh

Xây dựng môi trường học tập có nền nếp, kỷ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Là một ngôi trường đúng với danh nghĩa là trường học hạnh phúc.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản

- Đoàn kết - Trách nhiệm.
- Kỷ cương, nền nếp
- Năng động - Sáng tạo
- Khát vọng – Vươn lên

4.4. Mục tiêu chung

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phân đầu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Giao Xuân có một điểm trường đặt tại trung tâm xã (thuộc Thị tứ xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định), số điện thoại trường: 0979743069, địa chỉ hòm thư điện tử: thgiaoxuan@gmail.com.

Trường Tiểu học Giao Xuân được thành lập năm 1954. Đến năm 1993 Trường Tiểu học Giao Xuân được chia tách từ trường phổ thông cơ sở. Tháng 8 năm 2022 trường được công nhận lại Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I theo Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh Nam Định; Trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn theo Quyết định số 2066/QĐ-SGDĐT ngày 18/8/2022 của sở GD&ĐT tỉnh Nam Định; Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 2065/QĐ-SGDĐT ngày 18/8/2022 của sở GD&ĐT tỉnh Nam Định.

Trường chỉ có một điểm trường. Đây là điều kiện thuận lợi để trường nâng cao chất lượng mọi mặt. Được sự quan tâm của các cấp, các ban ngành, đoàn thể, phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương, CSVC của nhà trường từng bước được đầu tư xây dựng. Trải qua quá trình xây dựng và trưởng thành, trường Tiểu học Giao Xuân đã có nhiều đổi mới và đạt được nhiều thành tích rất đáng tự hào.

Liên tục nhiều năm liền, từ năm học 2015-2016 đến nay trường luôn đạt danh hiệu “Tập thể Lao động Tiên tiến”, “Tập thể lao động Xuất sắc” và được UBND tỉnh tặng Bằng khen. Quy mô trường lớp phát triển, đội ngũ GV trẻ hóa, chất lượng GD không ngừng được nâng cao.

Năm học 2025-2026 trường Tiểu học Giao Xuân với quy mô 20 lớp, tổng số 639 học sinh.

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	Tỉ lệ HS/lớp	Số HS Dân tộc	HS K T	Con TB,LS	Con hộ		Ghi chú
								nghèo	cận nghèo	
1	4	138	71	34,5	3	0	1		1	
2	4	115	53	28,8	3	3	0			
3	4	133	63	33,3	2	1	0			
4	4	120	52	30,0	5	1	0			
5	4	137	63	34,3	0	1	0			
Cộng	20	643	302	32,2	13	6	1		1	

*** Cán bộ, giáo viên, công nhân viên (tính số lượng biên chế đến 05/9/2025): 37 người**

Số TT	CBGVCNV	Số lượng	Đảng viên	Đại học	Cao Đẳng	Trung cấp	Ghi chú
1	CBQL	2	2	2			
2	GVVH	23	13	20	3		
3	GVbộ môn	9	3	7	2		
4	CB HC	3	2	2		1	
	Cộng	37	20=54,1 %	31=83,8 %	5=13,5 %	1=2,7%	

Sự phát triển của nhà trường không thể không nói đến vai trò của các tổ chức

đoàn thể trong nhà trường. Từ khi thành lập trường được sự quan tâm của Đảng bộ xã. Nhà trường đã thành lập chi bộ trường Tiểu học Giao Xuân. Đến nay chi bộ đã có 20 đảng viên. Chi bộ tham gia tích cực các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước, tuyên truyền và chỉ đạo các tổ chức Đoàn thanh niên, Đội Thiếu niên, các tổ chuyên môn thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của mình. Năm 2024 chi bộ trường Tiểu học Giao Xuân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong những năm qua, Đoàn thanh niên, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh có nhiều đóng góp tích cực thúc đẩy các hoạt động trong nhà trường: tổ chức Vui hội trăng rằm, giao lưu văn nghệ, TDTT chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam với chủ đề “Tri ân thầy cô”, tổ chức Hoạt động trải nghiệm, các hoạt động NGLL nhân kỉ niệm các ngày lễ lớn,...được đông đảo CMHS tham gia. Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 Liên đội được Hội đồng Đội huyện Giao Thủy tặng Giấy khen, tỉnh Đoàn tặng bằng khen.

Quá trình hình thành và phát triển của trường Tiểu học Giao Xuân luôn được sự quan tâm của chính quyền địa phương (trước đây là xã Giao Xuân, nay là xã Giao Phúc) và sự ủng hộ của cha mẹ học sinh.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Người đại diện pháp luật: Phạm Xuân Trường. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Giao Xuân

Số điện thoại: '0979743069, Gmail: phamxuantruong.gl.gt@gmail.com

6. Tổ chức bộ máy

Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường Tiểu học Giao Xuân có số điện thoại 0979743069, địa chỉ hòm thư điện tử: thgiaoxuan@gmail.com. Trường Tiểu học Giao Xuân được thành lập năm 1954. Đến năm 1993 Trường Tiểu học Giao Xuân được tách từ trường phổ thông cơ sở. Trường chỉ có một điểm trường. Đây là điều kiện thuận lợi để trường nâng cao chất lượng mọi mặt. Được sự quan tâm của các cấp, các ban ngành, đoàn thể, cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương, CSVC của nhà trường từng bước được đầu tư xây dựng. Hằng năm, địa phương có kế hoạch xây dựng, bổ sung thêm cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện cho các hoạt động dạy và học của nhà trường. Trải qua nhiều năm xây dựng và trưởng thành, trường Tiểu học Giao Xuân đã có nhiều đổi mới và thành tích rất đáng ghi nhận. Quy mô trường lớp phát triển, đội ngũ GV trẻ hóa, chất lượng GD không ngừng được nâng cao.

a) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục.

*** Hiệu trưởng:**

+ Họ tên: Phạm Xuân Trường

+ Ngày tháng năm sinh: 31/01/1967

- + Năm tuyển dụng: Tháng 9/1988
- + Trình độ chuyên môn ban đầu: Trung cấp Sư phạm
- + Trình độ chuyên môn hiện nay: Đại học Sư phạm
- + Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp.
- + Trình độ quản lí: Đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng CB quản lý GD.
- + Từ tháng 9/1988 đến tháng 8/1993: là GV trường Phổ thông cơ sở Giao Thanh.
- + Từ tháng 09/1993 đến tháng 6/1995: là GV trường Tiểu học Giao Lạc.
- + Từ tháng 07/1995 đến tháng 6/1996: là Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc.
- + Từ tháng 01/7/1996 đến tháng 01/12/2003: Bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc theo Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 10/12/2003 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.
- + Từ tháng 10/12/2003 đến tháng 1/7/2009: Bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc theo Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 01/7/2009 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.
- + Từ tháng 1/7/ 2009 đến tháng 1/7/2014: Bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc theo Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.
- + Từ tháng 1/7/ 2014 đến tháng 1/7/2019: Bổ nhiệm lại làm Hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc theo Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.
- + Từ tháng 8/2020 đến tháng 8/2025 là Hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Xuân theo Quyết định số 4653/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.
- + Từ tháng 8/2025 đến nay: Bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Xuân theo Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của chủ tịch UBND xã Giao Phúc.

*** Phó hiệu trưởng:**

- + Ngày tháng năm sinh: 16/12/1975
- + Năm tuyển dụng: Tháng 9/1994
- + Trình độ chuyên môn ban đầu: Trung cấp Sư phạm
- + Trình độ chuyên môn hiện nay: Đại học Sư phạm
- + Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp
- + Trình độ quản lí: Đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục.
- + Từ 09/1994 đến tháng 5/2011: là giáo viên trường Tiểu học xã Giao Lạc.
- + Bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường Tiểu học xã Giao Lạc lần đầu tiên: tháng 5/2011 theo Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 25/4/2011 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.
- + Bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng trường Tiểu học xã Giao Lạc theo các Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy; Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy;

+ Từ tháng 10/2023 đến nay là Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Xuân. theo Quyết định số 5550/QĐ-UBND ngày 6/10/2023 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.

Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Giao Xuân.

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện với các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục;

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Giao Xuân dưới sự quản lý trực tiếp của UBND xã Giao Phúc, tỉnh Ninh Bình. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trở thành một trường Tiểu học tiêu biểu của xã Giao Phúc;

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường;

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục;

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên, HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng
- + Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường)
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 20 đảng viên. Bí thư - Hiệu trưởng Phạm Xuân Trường, Phó bí thư – Phó hiệu trưởng Đinh Thị Hồng Thắm
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 15 đoàn viên. Bí thư chi đoàn: Hoàng Văn Cường
- + Đội Thiếu niên TP HCM: TPT: Trần Thị Kim Huệ
- + Ban đại diện CMHS: Trưởng ban: Ông Phạm Văn Việt
- + Các tổ chuyên môn: 3 tổ chuyên môn (Tổ CM khối 1: Bùi Thị Hòa (TT), Tổ CM khối 2,3: Trần Thị Là (TT), Đặng Thị Thơm (TP), Tổ CM khối 4,5: Hoàng Thị Thanh Hà (TT), Bùi Thị Nga (TP) và 01 tổ Văn phòng (Tổ trưởng Trần Thị Liên).

b) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Xuân Trường	Hiệu trưởng	0979743069	phamxuantruong.gl.gt@gmail.com
2	Đinh Thị Hồng Thắm	Phó Hiệu trưởng	0967303758	dingthihongtham.gl@gmail.com

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và các quy định, quy chế nội bộ khác:

Số Văn bản	Thời gian ban hành	Tên văn bản
Số 104/KH-THGX	25/8/2025	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026
Số 104b/KH-THGX	25/8/2025	Kế hoạch công tác Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025
Số 109	27/8/2025	Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026

Số 109.1	27/8/2025	Kế hoạch vận động XHH năm học 2025-2026
Số 109.2	28/8/2025	Kế hoạch triển khai hoạt động tài trợ năm học 2025-2026
Số: 115/BC-THGX	06/09/2025	Kế hoạch thực hiện công tác pháp chế năm học 2025-2026
Số120a/KH-THGX	08/09/2025	Kế hoạch Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường Năm học 2025 – 2026
Sô 130/QC-THGX	22/09/2025	Quy chế dân chủ
Sô 132/QC-THGX	23/09/2025	Quy chế Văn hoá công sở và quy tắc ứng xử
Sô 134/QC-THGX	23/09/2025	Quy chế làm việc
Sô 136/QC-THGX	23/09/2025	Quy chế chuyên môn
Số154/QC-THGX	24/09/2025	Quy chế Thi đua khen thưởng
Số156/QC-THGX	24/09/2025	Quy chế quản lý, sử dụng tài sản
Số158/QC-THGX	24/09/2025	Quy chế tiếp công dân
Số160a/KH-THGX	25/09/2025	Kế hoạch Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường Năm học 2025 – 2026
Số163/QĐ-THGX	25/09/2025	Kế hoạch kiểm tra nội năm học 2025-2026

Chiến lược phát triển nhà trường:

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch Số 110a/KH-THGX ngày 29/8/2025 về Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2035:

Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường đã được UBND xã Giao Phúc phê duyệt. Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết công khai tại phòng Hội đồng nhà trường. Hiệu trưởng ra quyết định công khai theo quyết định **số 111a/QĐ-THGX ngày 03 tháng 9** năm 2025 kèm theo biên bản bắt đầu công khai ngày 03 tháng 9 năm 2025 và biên bản kết thúc công khai ngày 03 tháng 10 năm 2025. Ngoài ra còn được công khai tới CMHS toàn trường trong các cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường và ngày khai giảng năm học mới hàng năm. Từ khi chiến lược xây dựng và phát triển được công khai đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp trong đó tập trung góp ý kiến vào các giải pháp để kế hoạch chiến lược thực hiện đúng tiến độ và mang tính khả thi cao.

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: quy định việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Về số lượng CBQL, GV, NV chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo; đánh giá hàng năm theo quy định.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	Đ H	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37	0	0	31	5	1	0	1	28	8	16	10	8	
I	Giáo viên	32	0	0	27	5			0	27	5	14	10	8	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	9			7	2				8	1	4	4	1	

1	Tiếng dân tộc													
2	Ngoại ngữ	2		2				2		2				
3	Tin học	1		1				1			1			
4	Âm nhạc	2		1	1			2		2				
5	Mỹ thuật	2		1	1			2			1	1		
6	GDTC	2		2	2			1	1		2			
II	Cán bộ quản lý	2		2					2	2				
1	Hiệu trưởng	1		1					1	1				
2	Phó hiệu trưởng	1		1					1	1				
III	Nhân viên	3		2	2		1	2						
1	Nhân viên văn thư													
2	Nhân viên kế toán	1		1				1						
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1			1		1							
5	Nhân viên thư viện	1		1				1						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
7	Nhân viên công nghệ thông tin													
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
9	...													

2. Về bồi dưỡng thường xuyên kết quả như sau: Tổng số CBQL, giáo viên hoàn thành BDTX năm học 2024 – 2025 của trường: 34/34, Tỷ lệ: 100%. Trong đó: Đạt (Hoàn thành): 34/34 = 100%; Chưa đạt (chưa hoàn thành): 0/34 = 0%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất.

- Trường, lớp phù hợp tạo điều kiện cho trẻ em đi học thuận lợi.
- Phòng học: 20 phòng/20 lớp, an toàn, có bảng, đủ bàn 2 chỗ, ghế 1 chỗ đúng qui cách cho học sinh, GV; đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học; có các phương tiện hiện đại như tivi, máy tính, mạng internet, loa...có điều kiện tối thiểu dành cho HS khuyết tật học tập thuận lợi.
- Có các phòng chức năng theo quy định và trong phòng có đủ các phương tiện thiết bị cần thiết để phục vụ cho hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường.
- Có sân chơi, sân tập với tổng diện tích chiếm trên 30%.
- Có cổng, tường bao, nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, có khu để xe, khu vệ sinh sạch sẽ, thuận tiện dành cho nam, nữ, HS, GV; đảm bảo môi trường xanh-sạch-đẹp-an toàn và thân thiện; không có hàng quán, nhà ở trong trường.

Sau đây là bảng minh chứng cho thông tin cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung bao gồm:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
a)	Điểm trường, diện tích		
1	Số điểm trường lẻ	1	-
2	Tổng diện tích đất (m ²)	8993 m ² /643 học sinh	14 m ² /10 m ² vượt quy định
3	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	4350 m ²	Đáp ứng yêu cầu
4	Tổng diện tích các phòng	1902 m ²	Đáp ứng yêu cầu
4.1	Diện tích phòng học (m ²)	50=>60 m ²	Đáp ứng yêu cầu
4.2	Diện tích thư viện (m ²)	100	Đáp ứng yêu cầu
4.3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4.4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	50	Đáp ứng yêu cầu
4.5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	60	Đáp ứng yêu cầu
4.6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	60	Đáp ứng yêu cầu
4.7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	50	Đáp ứng yêu cầu
4.8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	30	Đáp ứng yêu cầu
4.9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>	60	Đáp ứng yêu cầu
b)	Số lượng, khối phòng học		
1	Số phòng học/số lớp	20/20	Số m²/học sinh
	Phòng học kiên cố	20/20	1 phòng/ lớp đủ theo quy định
	Phòng học bán kiên cố		-
	Phòng học tạm		-
	Phòng học nhờ, mượn		-
2	Phòng học bộ môn/môn (Phòng Mỹ thuật, Âm nhạc, Tin học, T.Anh, GDTC)	5/5	
	Phòng kiên cố	5	1 phòng/ bộ môn đủ theo quy định
	Phòng bán kiên cố	0	
	Phòng tạm	0	
3	Khối hỗ trợ học tập (Thư viện; Thiết bị giáo dục; Tư vấn học đường và hỗ trợ GD HSKT; Truyền thống; Đội thiếu niên)	5	
	Phòng kiên cố	4	
	Phòng bán kiên cố	1	
	Phòng tạm	0	
4	Khối phòng hành chính- quản trị (Phòng hiệu trưởng; Phó hiệu trưởng, Văn phòng; Phòng bảo vệ; Khu vệ sinh GV; Khu để xe GV)	6	
	Phòng kiên cố	5	

	Phòng bán kiên cố	1	
	Phòng tạm	0	
5.	Khối phụ trợ (Phòng họp; phòng y tế trường học; Nhà kho; Khu để xe học sinh; Khu vệ sinh học sinh; Cổng, hàng rào)		
	Phòng họp	1	
	Y tế	1	
	Kho	1	
	Phòng giáo viên	1	
	Nhà đa năng	0	
	Nhà xe học sinh	2	
	Vệ sinh học sinh	2	0.2 m ²
	Cổng, tường bao	Có	
c)	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số bộ thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	3	30 (Đã hỏng gần hết thanh lý) chưa đáp ứng với thông tư 37
1.2	Khối lớp 2	2	30 (Đã hỏng gần hết thanh lý) chưa đáp ứng với thông tư 37
1.3	Khối lớp 3	2	30 (Đã hỏng gần hết thanh lý) chưa đáp ứng với thông tư 37
1.4	Khối lớp 4	1	30 (Đã hỏng gần hết thanh lý) chưa đáp ứng với thông tư 37
1.5	Khối lớp 5	2	30 (Đã hỏng gần hết thanh lý) chưa đáp ứng với thông tư 37
2	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	17	Số học sinh/bộ 2HS/bộ
2.1	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
2.2	Ti vi	27	1
2.3	Cát xét		
2.4	Đầu Video/đầu đĩa	2	
2.5	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
2.6	Thiết bị khác...		
3	Nhà bếp	0	
4	Nhà ăn	0	
5	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	
6	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo	Dùng cho học sinh
			Số m ² /học sinh

		viên	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
6.1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0,2
6.2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung		Có		Không	
7	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		X			
8	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X			
9	Kết nối internet		X			
10	Trang thông tin điện tử (website) của trường		X			
11	Tường rào xây		X			

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ²)	8993 m ² /643 học sinh	8993 m ² /635 học sinh
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	1902 m ² /643	1902 m ² /635
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	7443	7443
5	Số bản sách/người học	7443 /643	7443 /635
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100%	100%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	200 Mbps/829	200 Mbps/862

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Xóm Thị Tứ - xã Giao Phúc- tỉnh Ninh Bình	8993 m ²	8993 m ²
2	Cơ sở...	0	0	0
3	Phân hiệu...	0	0	0
Tổng cộng			8993 m ²	8993 m ²

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà...	0	0

2	Nâng cấp tòa nhà...	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...	0	0
Tổng cộng			0

d) Danh mục SGK sử dụng trong cơ sở giáo dục.

Căn cứ công văn số 286 /PGDDĐT của Phòng GD&ĐT Giao Thủy ngày 11 tháng 04 năm 2025 về việc tăng cường công tác quản lý về việc lựa chọn, hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2025-2026. Trường Tiểu học Giao Xuân đã ra Thông báo số 32/TB-THGX ngày 18/4/2025 Về việc chuẩn bị sách giáo khoa lớp 1,2,3,4,5 được lựa chọn để sử dụng trong năm học 2025 -2026 như sau:

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1
NĂM HỌC 2025-2026**

Số TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Bộ sách	Ghi chú
1	Tiếng Việt 1 tập 1	GS.TS Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	
2	Tiếng Việt 1 tập 2	GS.TS Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	
3	Toán 1, tập 1	Trần Diên Hiền (CB)	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD	
4	Toán 1, tập 2	Trần Diên Hiền (CB)	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD	
5	Đạo đức 1	Phạm Quỳnh (CB)	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD	
6	Tự nhiên và Xã hội 1	PGS.TS Mai Sỹ Tuấn	Cánh diều	
7	Âm nhạc 1	Hoàng Long (Tổng CB kiêm CB)	Cùng học để phát triển năng lực	
8	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng CB)	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD	
9	Hoạt động trải nghiệm 1B	Bùi Ngọc Diệp, Phó Đức Hòa (đồng CB)	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2

NĂM HỌC 2025-2026

Số TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Bộ sách	Ghi chú
1	Tiếng Việt 2, tập một	Bùi Mạnh Hùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt 2, tập hai	Bùi Mạnh Hùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Toán 2, tập một	Hà Huy Khoái	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Toán 2, tập hai	Hà Huy Khoái	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung	Chân trời sáng tạo	
9	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3

NĂM HỌC 2025-2026

Số TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Bộ sách	Ghi chú
1	Tiếng Việt 3 - Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2	Tiếng Việt 3 - Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Toán 3 tập 1	Hà Huy Khoái (TCB), Lê Anh Vinh (CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Toán 3 tập 2	Hà Huy Khoái (TCB), Lê Anh Vinh (CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo Đức 3	Nguyễn Thị Toan (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 3	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (TCB)	Chân trời sáng tạo	
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (TCB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Tiếng Anh 3 tập 1 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
14	Tiếng Anh 3 tập 2 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4
NĂM HỌC 2025-2026**

Số TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Bộ sách	Ghi chú
1	Tiếng Việt 4 - Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt 4 - Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

3	Toán 4 tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Toán 4 tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử và Địa lý 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử),	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên)	Chân trời sáng tạo	
12	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Tiếng Anh 4 tập 1 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
14	Tiếng Anh 4 tập 2 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5

NĂM HỌC 2025-2026

Số TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản/ Bộ sách	Ghi chú
1	Tiếng Việt 5, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt 5, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Toán 5 tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Toán 5 tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 5 - KNTT	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật 5 (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí),	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Công nghệ 5 - KNTT	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Âm nhạc 5 - KNTT	Đỗ T Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn T Thanh Bình (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Tiếng Anh 5 tập 1 -Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên)		
14	Tiếng Anh 5 tập 2 -Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên)		

		biên)			
--	--	-------	--	--	--

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia Nhà trường tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; Năm học 2024-2025 nhà trường đã xây dựng kế hoạch, tập hợp minh chứng, tiến hành tự đánh giá, xây dựng kế hoạch cải tiến, đến nay trường Tiểu học Giao Xuân vẫn duy trì và giữ vững trường kiểm định chất lượng cấp độ 2. **Cụ thể:**

a. Kết quả tự đánh giá:

* **Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	---
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	---
Tiêu chí 1.6		x	x	x

Tiêu chí 1.7		X	X	---
Tiêu chí 1.8		X	X	---
Tiêu chí 1.9		X	X	---
Tiêu chí 1.10		X	X	---
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X	X	---
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	---
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		X	X	---
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

*** Đánh giá tiêu chí Mức 4**

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	

Kết quả: Không đạt

* **Kết luận:** Căn cứ Mục c, Khoản 2, Điều 34; Khoản 2, Điều 37 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Với các chỉ số và tiêu chí đạt yêu cầu tự đánh giá như trên trường Tiểu học Giao Xuân đạt:

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: đạt Mức 2.
- Cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Nhà trường được đoàn đánh giá ngoài của Tỉnh công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào tháng 8 năm 2022.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC.

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

Thực hiện Công văn Số 235/HD-PGDĐT ngày 27 tháng 3 của Phòng GDĐT Giao Thủy về việc hướng dẫn huy động trẻ vào các cơ sở giáo dục mầm non và lớp 1 các trường tiểu học (TH), tuyển sinh vào lớp 6 các trường trung học cơ sở (THCS) năm học 2025-2026, trường Tiểu học Giao Xuân xét tuyển sinh lớp 1 năm học 2025 - 2026 như sau:

+ Đối tượng xét tuyển:

- Trẻ 6 tuổi (tức trẻ sinh năm 2019); không xét tuyển trẻ sinh sau năm 2019.
- Trẻ khuyết tật diện hòa nhập (chưa học lớp 1).
- Không tuyển sinh trẻ trái tuyến (Tức là học sinh không có hộ khẩu tại Giao Xuân)

+ Chỉ tiêu xét tuyển

- Huy động 100 % trẻ em sinh năm 2019 trên địa bàn xã vào học lớp 1.
- Huy động trẻ em đến tuổi đi học mà chưa vào học lớp 1.
- Vận động tất cả học sinh bỏ học lớp 1 từ những năm học trước (nếu có) vào học lớp 1 năm học 2025-2026.
- Huy động 100% trẻ em khuyết tật trong độ tuổi ra lớp học hòa nhập.

+ Hồ sơ xét tuyển: Gồm 1 túi hồ sơ trong đó có:

- Đơn xin học lớp 1;
- Giấy khai sinh: 01 giấy khai sinh bản sao hợp lệ

+ Thời gian xét tuyển từ ngày 28/5 - 10/6/ 2025

+ Hình thức xét tuyển: Trực tiếp

* Kết quả tuyển sinh: Năm học 2025-2026 nhà trường tuyển sinh 4 lớp 1 với tổng số học sinh là: 137/137 HS đạt 100%

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục.

Tiếp tục phát huy và nâng cao chất lượng HS đại trà, năng khiếu, các mũi nhọn, hoạt động ngoài giờ lên lớp...phấn đấu xếp tốp đầu của xã. Chỉ tiêu phấn đấu trong năm học 2025 - 2026:

- Các nội dung đánh giá về năng lực, phẩm chất học sinh đạt từ 99,5% trở lên đạt loại tốt và đạt.

- Xếp loại mức độ từng môn học và các hoạt động giáo dục.

+ Hoàn thành tốt: 60 % trở lên, còn lại xếp loại hoàn thành

- Tổng hợp kết quả giáo dục cuối năm học:

+ Hoàn thành xuất sắc 23% trở lên

+ Còn lại là Hoàn thành tốt và Hoàn thành

- Hoàn thành chương trình lớp học: 643/ 643HS = 100%

- Trong đó học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học: 137/137HS = 100%

- Các cuộc thi, giao lưu như: Thi tài năng tiếng Anh, TĐTT, cảnh quan môi trường, cơ sở vật chất, cuộc thi khác.... được xếp tốp đầu của xã. Các cuộc thi, giao

lưu tự nguyện: Thi chữ đẹp, toán tuổi thơ, IOE, vẽ tranh... phần đầu 2-3 HS đạt giải Tỉnh, giải Quốc gia/khối.

- Chỉ tiêu khen thưởng cuối năm:

Khối	Tổng số HS	HS Xuất sắc		HS Tiêu biểu		Tổng số HS được khen	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	138	36	26.1%	40	29.0%	76	55.1%
2	115	28	24.3%	36	31.3%	64	55.7%
3	133	32	24.1%	40	30.1%	72	54.1%
4	120	28	23.3%	37	30.8%	65	54.2%
5	137	32	23.4%	43	31.4%	75	54.7%
Tổng	643	156	24.3%	196	30.5%	352	54.7%

Ngoài ra khen thưởng đột xuất: học sinh có thành tích đột xuất trong năm học.

c) Quy chế phối hợp giữa các cơ sở giáo dục với gia đình, xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

Trong năm học qua, nhà trường luôn coi trọng việc xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác chăm sóc, giáo dục học sinh tiểu học. Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc họp phụ huynh, gặp gỡ, trao đổi với cha mẹ học sinh để kịp thời nắm bắt tình hình học tập, sức khỏe, tâm lý và các biểu hiện đặc biệt của các em. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Khuyến học, Hội cựu giáo chức... để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, vui chơi, rèn luyện kỹ năng sống và giáo dục đạo đức cho học sinh. Các hoạt động phối hợp này đã góp phần tạo nên môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, giúp học sinh phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tình cảm và kỹ năng. Sự gắn kết giữa nhà trường, gia đình và xã hội là yếu tố quan trọng giúp nâng cao chất lượng giáo dục và tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập, rèn luyện.

d) Chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

Nhà trường đã triển khai nhiều chương trình và hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh phát triển toàn diện. Về học tập, nhà trường tổ chức các lớp phụ đạo, bồi dưỡng học sinh chưa hoàn thành và học

sinh có năng khiếu theo từng môn học. Các câu lạc bộ học tập như Câu lạc bộ Toán học, Tiếng Việt, Tiếng Anh... cũng được duy trì và phát huy hiệu quả. Về rèn luyện kỹ năng, học sinh được tham gia các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp theo chủ đề, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các cuộc thi, hội thi như: Vẽ tranh, Kể chuyện, Rung chuông vàng, Giao lưu học sinh tiểu học... để học sinh thể hiện năng lực, phát triển sở trường. Các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ cũng được chú trọng, giúp học sinh rèn luyện sức khỏe, tinh thần đoàn kết và sự tự tin trong giao tiếp. Tất cả các hoạt động đều được xây dựng phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi tiểu học, tạo môi trường học đường thân thiện, tích cực.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (năm học 2024-2025):

a) Kết quả tuyển sinh, tổng số HS theo từng khối lớp:

* **Kết quả tuyển sinh vào lớp 1:** Năm học 2024-2025 nhà trường tuyển sinh 4 lớp 1 với tổng số học sinh là: 120 HS

* **Tổng số học sinh: Thời điểm tháng 5/2025)**

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	HS K T	Con TB,LS	Con hộ		Ghi chú (học 2 buổi/ngày)
						nghèo	cận nghèo	
1	4	116	55	3	0	0	0	116
2	5	135	64	1	0	1	3	135
3	4	119	50	1	0	0	0	119
4	5	139	64	1	0	1	2	139
5	4	126	72	2	0	0	1	126
Cộng	22	635	305	8	0	2	6	635

b) Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Số học sinh Hoàn thành chương trình lớp học: 632/635 đạt 99,5%

Số học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học: 03/635 chiếm 0,5%

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC CUỐI NĂM HỌC 2024-2025

Nội dung tiêu chí	Số	Tổng số HS có KQĐ G	Tỉ lệ %	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
				Số lượng	Tỉ lệ%	Số lượ ng	Tỉ lệ%	Số lượng	Tỉ lệ%	Số lượ ng	Tỉ lệ%	Số lượ ng	Tỉ lệ%

I. Kết quả học tập													
1. Tiếng Việt	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành tốt		402	63.3%	70	60.3%	82	60.7%	73	61.3%	95	68.3%	82	65.1%
Hoàn thành		230	36.2%	44	37.9%	52	38.5%	46	38.7%	44	31.7%	44	34.9%
Chưa hoàn thành		3	0.5%	2	1.7%	1	0.7%						
2. Toán	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành tốt		399	62.8%	73	62.9%	86	63.7%	78	65.5%	78	56.1%	84	66.7%
Hoàn thành		233	36.7%	41	35.3%	48	35.6%	41	34.5%	61	43.9%	42	33.3%
Chưa hoàn thành		3	0.5%	2	1.7%	1	0.7%						
3. Đạo đức	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành tốt		452	71.2%	92	79.3%	108	80.0%	81	68.1%	89	64.0%	82	65.1%
Hoàn thành		183	28.8%	24	20.7%	27	20.0%	38	31.9%	50	36.0%	44	34.9%
Chưa hoàn thành													
4. Tự nhiên và Xã hội	635	370	58.3%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%				
Hoàn thành tốt		234	36.9%	72	62.1%	84	62.2%	78	65.5%				
Hoàn thành		136	21.4%	44	37.9%	51	37.8%	41	34.5%				
Chưa hoàn thành													
5. Khoa học	265	265	100.0%							139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành tốt		175	66.0%							89	64.0%	86	68.3%
Hoàn thành		90	34.0%							50	36.0%	40	31.7%
Chưa hoàn thành													
6. LS&ĐL	265	265	100.0%							139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành tốt		162	61.1%							87	62.6%	75	59.5%
Hoàn thành		103	38.9%							52	37.4%	51	40.5%
Chưa hoàn thành													
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành tốt		487	76.7%	91	78.4%	100	74.1%	92	77.3%	110	79.1%	94	74.6%
Hoàn thành		148	23.3%	25	21.6%	35	25.9%	27	22.7%	29	20.9%	32	25.4%
Chưa hoàn thành													
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành tốt		419	66.0%	74	63.8%	94	69.6%	80	67.2%	90	64.7%	81	64.3%
Hoàn thành		216	34.0%	42	36.2%	41	30.4%	39	32.8%	49	35.3%	45	35.7%
Chưa hoàn thành													
9. Hoạt động trải nghiệm	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%

Hoàn thành tốt		402	63.3%	72	62.1%	84	62.2%	78	65.5%	86	61.9%	82	65.1%
Hoàn thành		233	36.7%	44	37.9%	51	37.8%	41	34.5%	53	38.1%	44	34.9%
Chưa hoàn thành													
10. Giáo dục thể chất	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành tốt		439	69.1%	72	62.1%	98	72.6%	82	68.9%	98	70.5%	89	70.6%
Hoàn thành		196	30.9%	44	37.9%	37	27.4%	37	31.1%	41	29.5%	37	29.4%
Chưa hoàn thành													
11. TH-CN (Công nghệ)	384	384	100.0%					119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành tốt		224	58.3%					69	58.0%	80	57.6%	75	59.5%
Hoàn thành		160	41.7%					50	42.0%	59	42.4%	51	40.5%
Chưa hoàn thành													
12. TH-CN (Tin học)	635	384	60.5%					119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành tốt		253	39.8%					72	60.5%	91	65.5%	90	71.4%
Hoàn thành		131	20.6%					47	39.5%	48	34.5%	36	28.6%
Chưa hoàn thành													
13. Ngoại ngữ	635	384	60.5%					119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành tốt		246	38.7%					71	59.7%	83	59.7%	92	73.0%
Hoàn thành		138	21.7%					48	40.3%	56	40.3%	34	27.0%
Chưa hoàn thành													
II. Năng lực cốt lõi													
Năng lực chung													
Tự chủ và tự học	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		524	82.5%	97	83.6%	112	83.0%	100	84.0%	117	84.2%	98	77.8%
Đạt		111	17.5%	19	16.4%	23	17.0%	19	16.0%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
Giao tiếp và hợp tác	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		529	83.3%	97	83.6%	112	83.0%	105	88.2%	117	84.2%	98	77.8%
Đạt		106	16.7%	19	16.4%	23	17.0%	14	11.8%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		528	83.1%	97	83.6%	111	82.2%	105	88.2%	117	84.2%	98	77.8%
Đạt		107	16.9%	19	16.4%	24	17.8%	14	11.8%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
Năng lực đặc thù													
Ngôn ngữ	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%

Tốt		448	70.6%	73	62.9%	95	70.4%	99	83.2%	100	71.9%	81	64.3%
Đạt		187	29.4%	43	37.1%	40	29.6%	20	16.8%	39	28.1%	45	35.7%
Cần cố gắng													
Tính toán	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		437	68.8%	74	63.8%	98	72.6%	99	83.2%	84	60.4%	82	65.1%
Đạt		198	31.2%	42	36.2%	37	27.4%	20	16.8%	55	39.6%	44	34.9%
Cần cố gắng													
Tin học	384	384	100.0%					119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		272	70.8%					95	79.8%	92	66.2%	85	67.5%
Đạt		112	29.2%					24	20.2%	47	33.8%	41	32.5%
Cần cố gắng													
Công nghệ	384	384	100.0%					119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		263	68.5%					97	81.5%	85	61.2%	81	64.3%
Đạt		121	31.5%					22	18.5%	54	38.8%	45	35.7%
Cần cố gắng													
Khoa học	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		442	69.6%	74	63.8%	94	69.6%	100	84.0%	90	64.7%	84	66.7%
Đạt		193	30.4%	42	36.2%	41	30.4%	19	16.0%	49	35.3%	42	33.3%
Cần cố gắng													
Thẩm mĩ	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		445	70.1%	73	62.9%	101	74.8%	100	84.0%	92	66.2%	79	62.7%
Đạt		190	29.9%	43	37.1%	34	25.2%	19	16.0%	47	33.8%	47	37.3%
Cần cố gắng													
Thể chất	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		465	73.2%	77	66.4%	94	69.6%	100	84.0%	98	70.5%	96	76.2%
Đạt		170	26.8%	39	33.6%	41	30.4%	19	16.0%	41	29.5%	30	23.8%
Cần cố gắng													
III. Phẩm chất chủ yếu													
Yêu nước	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		528	83.1%	97	83.6%	111	82.2%	105	88.2%	117	84.2%	98	77.8%
Đạt		107	16.9%	19	16.4%	24	17.8%	14	11.8%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
Nhân ái	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		528	83.1%	97	83.6%	111	82.2%	105	88.2%	117	84.2%	98	77.8%
Đạt		107	16.9%	19	16.4%	24	17.8%	14	11.8%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
Chăm chỉ	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		524	82.5%	97	83.6%	111	82.2%	101	84.9%	117	84.2%	98	77.8%
Đạt		111	17.5%	19	16.4%	24	17.8%	18	15.1%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
Trung thực	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		528	83.1%	97	83.6%	111	82.2%	105	88.2%	117	84.2%	98	77.8%

Đạt		107	16.9%	19	16.4%	24	17.8%	14	11.8%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
Trách nhiệm	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Tốt		528	83.1%	97	83.6%	111	82.2%	105	88.2%	117	84.2%	98	77.8%
Đạt		107	16.9%	19	16.4%	24	17.8%	14	11.8%	22	15.8%	28	22.2%
Cần cố gắng													
IV. Đánh giá KQGD	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
- Hoàn thành xuất		141	22.2%	25	21.6%	29	21.5%	26	21.8%	29	20.9%	32	25.4%
- Hoàn thành tốt		168	26.5%	32	27.6%	38	28.1%	31	26.1%	37	26.6%	30	23.8%
- Hoàn thành		323	50.9%	57	49.1%	67	49.6%	62	52.1%	73	52.5%	64	50.8%
- Chưa hoàn thành		3	0.5%	2	1.7%	1	0.7%						
V. Khen thưởng		321	50.6%	57	49.1%	67	49.6%	57	47.9%	70	50.4%	70	55.6%
- Giấy khen cấp trường		309	48.7%	57	49.1%	67	49.6%	57	47.9%	66	47.5%	62	49.2%
- Giấy khen cấp trên		12	1.9%							4	2.9%	8	6.3%
VI. HSDT được trợ giảng													
VII. HS.K.Tật		4	0.6%			1				1	0.7%	2	1.6%
VIII. HS bỏ học kỳ II													
IX. Chương trình lớp học	635	635	100.0%	116	100.0%	135	100.0%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Hoàn thành	632	632	99.5%	114	98.3%	134	99.3%	119	100.0%	139	100.0%	126	100.0%
Chưa hoàn thành	3	3	0.5%	2	1.7%	1	0.7%						

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học

Số lượng học sinh được công nhận Hoàn thành chương trình Tiểu học

Năm học 2024-2025: 126 HS

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Công khai chi tiết nguồn

Biểu số 02

Đơn vị: Trường Tiểu học Giao Xuân

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1035/QĐ- GDDT ngày 18/12/2024 của PGD huyện Giao Thủy)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: 1.000VNĐ

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.605.391.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.605.391.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.199.918.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	405.473.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Biểu số 02

Đơn vị: Trường TH Giao Xuân

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TCCSVC

(Kèm theo Quyết định số 1820/QĐ- UBND ngày 21/4/2025 của UBND huyện Giao Thủy)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VNĐ

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	150.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	150.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Biểu số 02

Đơn vị: Trường TH Giao Xuân

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG BIÊN CHẾ

(Kèm theo Quyết định số 1821/QĐ- UBND ngày 21/4/2025 của UBND huyện Giao Thủy)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VNĐ

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	86.788.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	86.788.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	86.788.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Đơn vị: Trường TH Giao Xuân
Chương: 622

Biểu số 02

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 3832/QĐ- UBND ngày 02/6/2025 của UBND huyện Giao Thủy)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VND

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.050.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	4.050.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.050.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Đơn vị: Trường TH Giao Xuân
Chương: 622

Biểu số 02

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 4001/QĐ- UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Giao Thủy)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VND

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	

I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.525.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	9.525.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.525.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Đơn vị: Trường TH Giao Xuân
Chương: 622

Biểu số 02

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 4571/QĐ- UBND ngày 26/6/2025 của UBND huyện Giao Thủy)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VND

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	53.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	

		53.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	53.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Đơn vị: Trường TH Giao Xuân

Biểu số 02

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1786/QĐ- UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Giao Phúc

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VNĐ

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	79.949.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	79.949.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	79.949.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	

9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Đơn vị: Trường TH Giao Xuân

Biểu số 02

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1820/QĐ- UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Giao Phúc

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VND

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.600.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.600.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.600.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Biểu số 02

Đơn vị: Trường TH Giao Xuân

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.991.303.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.991.303.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.359.655.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	631.648.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

A. Nhà trường báo cáo quyết toán thu chi các khoản đóng góp của học sinh học sinh học kỳ I năm học 2025 - 2026. Cụ thể như sau:

STT	Sử dụng nguồn thu	Các khoản thu
	Nội dung chi	
1	<p>Tiền nước uống của học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi sửa chữa, bảo trì máy lọc : 9.382.000đ - Chi mua đồ dùng phục vụ uống nước: 10.600.000đ - Chi trả tiền nước sạch: 5.120.000đ <p>Cộng: 25.120.000đ</p>	<p>Tổng thu tiền nước uống học kỳ I năm 2025-2026: 25.120.000đ</p>

2	Tiền dịch vụ vệ sinh - Chi thuê người quét dọn vệ sinh: 16.000.000đ - Chi mua chổi, dẻ, bao đựng rác...: 13.288.000đ Cộng: 45.288.000đ	Tổng thu tiền dịch vụ vệ sinh học kỳ I năm học 2025-2026: 45.288.000đ
3	Tiền trông giữ xe đạp - Chi nộp thuế TNDN, thuế GTGT: 952.000đ - Chi thuê mượn người trông giữ xe đạp: 8.568.000đ Cộng: 9.520.000đ	Tiền trông giữ xe đạp học kỳ I năm học 2025-2026: Tổng thu: 9.520.000đ

C. Công khai số dư các quỹ theo quy định năm 2025 tính đến ngày 30/9/2025:

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	VNĐ	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	VNĐ	0	TK 3713.0.1087345
3	Số dư tiền gửi ngân hàng	VNĐ	0	TK 3204201006437

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; tham mưu xây dựng kế hoạch tuyển dụng, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chú trọng công tác phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu cho học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

Nơi nhận:

- UBND xã
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Xuân Trường